

# BẢN TIN HÀNG NGÀY

14 tháng 4 năm 2026



## Vn-Index tăng hơn 16 điểm, nhóm thép bùng nổ

- Vn-Index mở cửa tăng khoảng 17 điểm, sau đó giảm dần về mức tăng khoảng 10 điểm cuối phiên sáng, nhưng tiếp tục tăng lại trong phiên chiều và đóng cửa tăng 16.69 điểm
- Nhóm thép bùng nổ, trong đó HSG NKG tăng trần nhờ thông tin tăng giá bán thép
- VIC VHM cũng tăng mạnh, đóng góp 14.8 điểm vào mức tăng của Vn-Index
- Các nhóm khác chủ yếu tăng hoặc giảm nhẹ, không quá nổi bật
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE tăng nhẹ 3.4% so với ngày trước đó

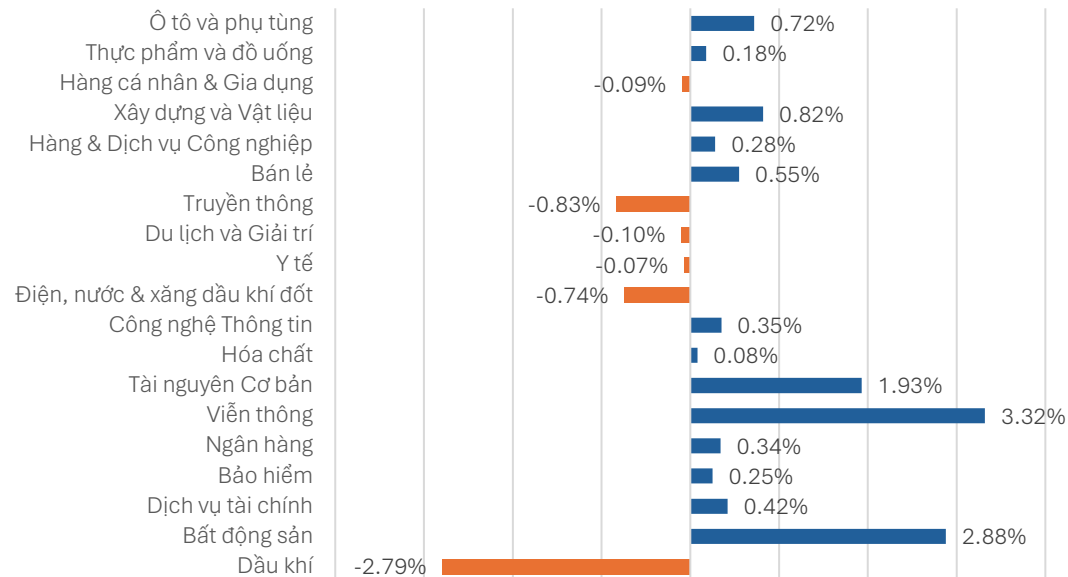


	HOSE	HNX	UPCOM
Đóng cửa	1,775.7	252.4	128.0
(+/-)	16.69	0.75	0.26
(%)	0.95%	0.30%	0.20%
Khối lượng giao dịch (Triệu cp)	889	69	72
Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	23,452	1,251	905
Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND)	139	34	7
Số mã tăng	173	74	135
Số mã giảm	135	72	94
Số mã giá không đổi	64	66	79

# 1.

## Nhận định thị trường

- Hôm nay vẫn là 1 phiên giao dịch tích cực, dòng tiền chuyển hướng sang nhóm thép. Như vậy, dòng tiền đã liên tục luân chuyển tìm kiếm ở những nhóm ngành khác nhau trong vài ngày qua
- Hỗ trợ mới được nâng lên vùng 1,760 điểm
- Tuy vậy, kháng cự hiện đang ở vùng 1,800 điểm. Do đó, nhà đầu tư nên hạn chế mua đuổi từ ngày mai, chờ đợi mua khi Vn-Index hoặc cổ phiếu theo dõi giảm điểm, điều chỉnh. Áp lực bán sẽ tăng dần trong các phiên tới



STT	Nhóm ngành	PE	PB
1	Dầu khí	20.44	1.90
2	Nguyên vật liệu	17.03	1.70
3	Công nghiệp	13.99	1.93
4	Hàng Tiêu dùng	15.41	2.45
5	Dược phẩm và Y tế	16.44	1.65
6	Dịch vụ Tiêu dùng	21.99	3.70
7	Viễn thông	26.73	6.47
8	Tiện ích Cộng đồng	13.37	1.81
9	Tài chính	18.88	2.62
10	Ngân hàng	9.44	1.56
11	Công nghệ Thông tin	13.86	2.90

## 2.

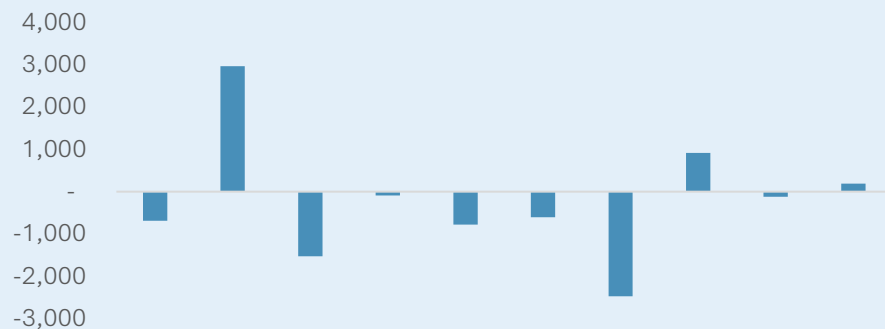
## Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

Ngân hàng		Bất động sản		Chứng khoán		Thực phẩm		Xây dựng		Nguyên liệu CB		Tiện ích		Hóa chất	
VPB	1.67%	VHM	4.88%	TVS	1.82%	VCF	6.90%	BMP	6.94%	HSG	6.84%	BWE	0.93%	DGC	3.68%
ACB	1.05%	VIC	3.44%	VND	1.20%	DBC	4.99%	CTR	2.11%	NKG	6.74%	POW	0.38%	AAA	1.28%
MBB	0.95%	CRE	2.47%	EVF	1.09%	HAG	3.36%	CTD	1.09%	HPG	2.70%	VSH	0.35%	GVR	0.31%
OCB	0.87%	VPI	2.28%	SSI	1.06%	ANV	2.26%	VCG	0.66%	PTB	0.20%	HNA	0.00%	VFG	0.10%
HDB	0.77%	IJC	1.42%	AGR	0.67%	BAF	2.14%	HHV	0.39%	DHC	-0.14%	PGV	-0.41%	PHR	0.00%
SHB	0.67%	HDG	1.42%	VIX	0.55%	ASM	1.37%	PC1	0.37%	ACG	-1.18%	SHP	-0.44%	CSV	-0.18%
TPB	0.61%	VRE	1.27%	FTS	0.54%	VHC	0.83%	VGC	-0.11%			GEG	-0.64%	DPR	-0.61%
TCB	0.47%	TCH	1.17%	HCM	0.19%	MSN	0.78%	HTI	-0.21%			NT2	-0.75%	DPM	-2.05%
CTG	0.29%	DIG	0.68%	CTS	0.00%	KDC	0.31%	CII	-0.25%			PGD	-0.83%	DCM	-2.13%
EIB	0.22%	DXS	0.65%	VDS	0.00%	SBT	0.23%					REE	-0.90%		
VCB	0.17%	BCM	0.18%	DSE	0.00%	MCM	0.20%					TMP	-0.92%		
BID	0.12%	KOS	0.13%	BCG	0.00%	FMC	0.13%					PPC	-0.97%		
LPB	0.10%	KDH	0.00%	ORS	-0.36%	BHN	0.00%					TDM	-1.23%		
NAB	0.00%	PDR	-0.30%	VCI	-0.53%	SAB	-0.66%					CHP	-1.58%		
SSB	-0.58%	NLG	-0.51%			PAN	-1.26%					GAS	-1.73%		
MSB	-0.78%	SZC	-0.52%			VNM	-1.27%								
VIB	-0.85%	NVL	-0.58%												
STB	-1.78%	KBC	-0.59%												
		DXG	-0.65%												
		HDC	-0.79%												
		SIP	-1.46%												
		SJS	-1.50%												
		QCG	-2.80%												

## 3.

## Giao dịch khối ngoại

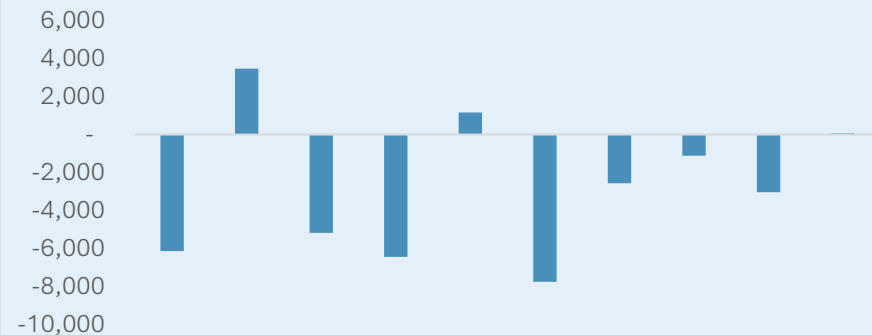
Giao dịch khối ngoại - 10 ngày



Top mua ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	VIC	HOSE	296.11	111.22	184.89
2	HPG	HOSE	287.49	108.50	178.99
3	MBB	HOSE	161.24	29.18	132.06
4	VHM	HOSE	196.46	124.62	71.84
5	GMD	HOSE	91.92	39.36	52.56
6	MSN	HOSE	55.84	9.48	46.36
7	TCH	HOSE	36.67	7.03	29.57
8	LPB	HOSE	33.61	5.50	28.11
9	DGC	HOSE	35.56	10.70	24.86
10	SHS	HNX	20.96	0.50	20.47
11	POW	HOSE	16.21	0.31	15.90
12	PVS	HNX	22.10	7.58	14.52
13	MWG	HOSE	33.40	19.60	13.80
14	SSI	HOSE	58.90	45.16	13.74
15	NKG	HOSE	13.42	0.47	12.96

Giao dịch khối ngoại - 10 tuần



Top bán ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	FPT	HOSE	38.13	228.89	-190.76
2	BID	HOSE	9.83	71.13	-61.30
3	NVL	HOSE	16.58	56.10	-39.51
4	BSR	HOSE	0.88	37.45	-36.57
5	VIX	HOSE	22.04	52.13	-30.09
6	KBC	HOSE	4.82	33.54	-28.72
7	VNM	HOSE	391.82	416.92	-25.10
8	HCM	HOSE	5.23	27.27	-22.04
9	ACB	HOSE	41.35	59.72	-18.37
10	GEX	HOSE	23.92	42.13	-18.21
11	VCB	HOSE	40.77	58.70	-17.93
12	VIB	HOSE	0.62	18.14	-17.53
13	DXG	HOSE	3.63	19.97	-16.34
14	BMP	HOSE	1.70	17.55	-15.85
15	VCI	HOSE	10.22	25.19	-14.97

## 4.

## Cập nhật vĩ mô

	Hôm nay	1D	1W	YTD
Giá dầu Brent (USD/thùng)	99.36	4.37%	-9.48%	63.29%
Giá dầu WTI (USD/thùng)	96.57	0.00%	-14.09%	68.18%
Giá vàng thế giới (USD/ounce)	4,742.40	-0.41%	1.97%	9.64%
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	25,106	0.00%	-0.01%	-0.06%
Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND)	26,361	0.00%	-0.01%	-0.06%
Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND)	26,910	0.00%	-0.70%	0.34%
Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng	6.10%	0.16%	-2.48%	4.33%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm	3.45%	0.00%	0.00%	0.38%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm	3.54%	0.00%	0.00%	0.36%

#### Xuất khẩu phân bón Việt Nam tăng vọt trong quý I/2026

Theo số liệu từ Cục Hải quan, xuất khẩu phân bón trong quý I/2026 của Việt Nam đạt hơn 810 nghìn tấn với trị giá hơn 360 triệu USD, tăng mạnh 35% về lượng và tăng gần 60% về trị giá so cùng kỳ năm 2025. Giá xuất khẩu bình quân đạt 438 USD/tấn, tăng 14,5% so với quý I/2025.

Kết quả tích cực chung của ngành phân bón trong quý I một phần đến từ những đơn hàng xuất khẩu tập nập của các doanh nghiệp ngay từ đầu năm, bao gồm SFG, DPM, DCM

#### Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công tính đến tuần đầu tháng 4/2026 cải thiện hơn nhưng vẫn là chậm và thiếu đồng bộ

Theo cập nhật từ Bộ Tài chính, tiến độ giải ngân vốn đầu tư công trong quý I/2026 có dấu hiệu cải thiện so với giai đoạn đầu năm. Tính đến ngày 26/3/2026, tổng số vốn đã giải ngân đạt 96.229 tỷ đồng, tương ứng 9,5% kế hoạch do Thủ tướng Chính phủ giao.

Tuy nhiên, tình hình giải ngân giữa các bộ, ngành và địa phương vẫn có sự chênh lệch rõ rệt. Đến hết Quý 1 có tới 18 bộ ngành trung ương gần như chưa triển khai giải ngân hoặc tỷ lệ đạt dưới 1%.

## 5.

## Bản tin doanh nghiệp

**BSR: Đảm bảo nguồn cung dầu thô đến tháng 7/2026**

Theo báo cáo KQKD năm 2025 tại ĐHCĐ 2026, BSR ghi nhận tổng doanh thu hợp nhất đạt 143.542 tỷ đồng, tăng 15% và LNST đạt 5.217 tỷ đồng, tăng gấp gần 9 lần so với năm 2024.

Quý 1/2026, doanh thu ước đạt 41.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 3.347 tỷ đồng, vượt kế hoạch lãi sau thuế của cả năm.

Theo TGD BSR, hiện tại BSR đã đảm bảo đủ nguồn cung dầu thô để nhà máy vận hành ở công suất cao đến tháng 7/2026.

**MSN: Sức mua hỗ trợ mục tiêu lợi nhuận nghìn tỷ**

CTCP Tập đoàn Masan (MSN) đặt kế hoạch kinh doanh với doanh thu thuần dự kiến từ 93.500 đến 98.000 tỷ đồng, tương ứng mức tăng trưởng từ 15% đến 20%; và LNST dự kiến từ 7.250 tỷ đồng đến 7.900 tỷ đồng, tăng trưởng từ 7% đến 17% so với cùng kỳ.

Năm 2026, MSN sẽ tiếp tục củng cố bảng cân đối kế toán, giảm chi phí tài chính và tỷ lệ sở hữu trong các mảng kinh doanh không cốt lõi, nhằm đơn giản hoá cấu trúc tập đoàn và xây dựng nền tảng tiêu dùng – bán lẻ tập trung; số hoá toàn diện chuỗi vận hành và mở rộng quy mô nền tảng Hội viên nhằm tối đa hoá sức mạnh cộng hưởng trong toàn bộ hệ sinh thái của Masan.

**Doanh thu của Đầu tư và Thương mại TNG (TNG) ước đạt gần 2.000 tỷ đồng trong quý I/2026**

CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (mã ck: TNG) vừa công bố kết quả kinh doanh quý I/2026 với tổng doanh thu đạt 1.952 tỷ đồng, tăng 29% so với cùng kỳ năm trước và hoàn thành gần 20% kế hoạch đề ra.

Năm 2026, TNG đặt kế hoạch doanh thu đạt 9.500 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 450 tỷ đồng, lần lượt tăng 9,2% và 14,5% so với thực hiện 2025. Kế hoạch cổ tức dự kiến khoảng 16 - 20%

## 6.

## Lịch sự kiện

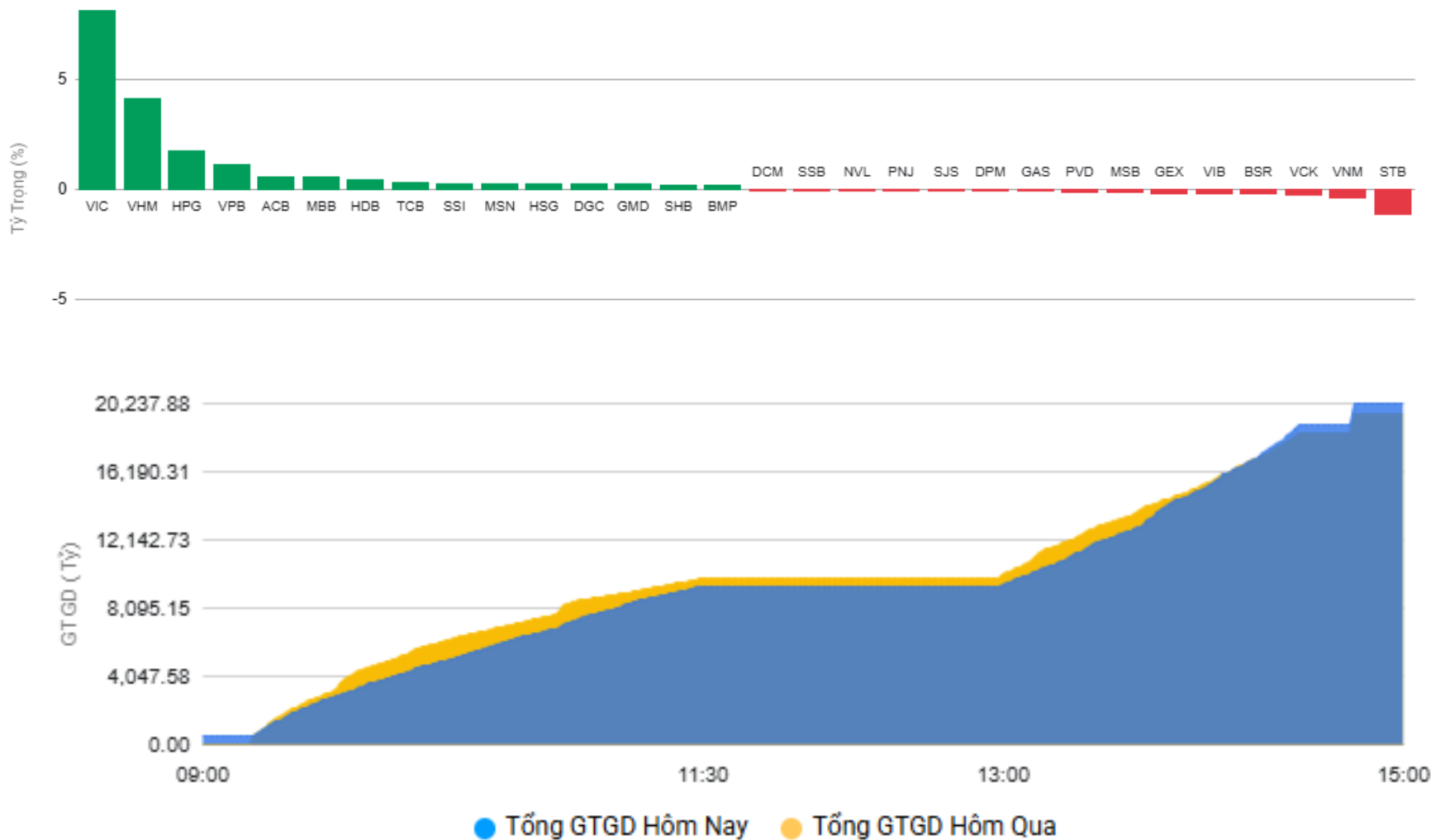
Mã	Ngày GDKHQ	Ngày thực hiện	Sự kiện	Tỷ lệ thực hiện	Giá trị
BNW	15/04/2026	14/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	6.00%	600
BWA	16/04/2026	15/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	4.50%	450
NAG	16/04/2026	16/04/2026	Phát hành cổ phiếu	2:1	10,000
QNS	16/04/2026	28/04/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20.00%	2,000
CDC	17/04/2026	17/04/2026	Phát hành cổ phiếu	1:1	10,000
SBT	17/04/2026	17/04/2026	Phát hành cổ phiếu	6.00%	
CTD	17/04/2026	17/04/2026	Phát hành cổ phiếu	5.00%	
TBC	22/04/2026	08/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
WSB	23/04/2026	22/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	30.00%	3,000
HMH	28/04/2026	19/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
CCM	29/04/2026	23/07/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20.00%	2,000
HSG	04/05/2026	04/05/2026	Phát hành cổ phiếu	30.00%	
SSC	19/05/2026	19/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000

# 7.

## Số liệu thị trường

### NHÓM ẢNH HƯỞNG MẠNH TỚI CHỈ SỐ

BIỂU ĐỒ PHÂN TÁN



## 8.

## Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (14/04/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VPB	20/5/2024	09/04/2026	34,000	27,350	24.3%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
TPB	1/7/2024	23/03/2026	23,493	16,450	42.8%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
TCB	12/8/2024	25/03/2026	37,000	32,050	15.4%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
MBB	29/8/2024	27/3/2026	30,380	26,700	13.8%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
ACB	23/9/2024	20/03/2026	28,750	24,000	19.8%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
HDB	15/10/2024	1/4/2026	32,191	26,100	23.3%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
CTG	28/11/2024	27/03/2026	40,200	34,900	15.2%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
VCB	24/2/2025	11/3/2026	72,000	59,300	21.4%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
BID	20/3/2025	17/3/2026	47,720	40,400	18.1%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
STB	14/5/2025	31/03/2026	58,700	66,100	-11.2%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
HPG	13/01/2025	9/2/2026	34,200	28,550	19.8%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
HSG	14/02/2025	4/3/2026	16,150	16,400	-1.5%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
NKG	7/3/2025	12/2/2026	15,950	15,050	6.0%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
GMD	27/05/2025	27/2/2026	89,400	74,400	20.2%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
VSC	18/06/2025	6/3/2026	27,450	24,800	10.7%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
HAH	31/3/2025	5/3/2026	75,400	55,000	37.1%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>

## 8.

## Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (14/04/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
NLG	30/9/2024	13/11/2025	45,000	29,150	54.4%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
KDH	23/10/2024	20/11/2025	42,000	26,200	60.3%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
DXG	15/11/2024	4/12/2025	20,800	15,350	35.5%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
DXS	15/1/2025	4/12/2025	12,000	7,690	56.0%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
KBC	22/1/2025	27/11/2025	40,500	33,800	19.8%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
BCM	4/8/2024	15/12/2025	83,000	55,500	49.5%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
VRE	21/3/2025	7/11/2025	30,000	27,900	7.5%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
VHM	29/4/2025	5/11/2025	87,200	128,900	-32.4%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
HDC	5/6/2025	30/01/2026	24,200	18,900	28.0%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
PDR	30/6/2025	19/03/2026	18,600	16,450	13.1%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
PVT	17/7/2025	10/3/2026	29,750	21,850	36.2%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
VCG	29/8/2025	18/3/2026	23,700	22,850	3.7%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
CTD	24/9/2025	13/3/2026	87,650	83,800	4.6%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
FRT	5/2/2026	05/02/2026	170,000	150,500	13.0%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
MWG	13/2/2026	13/2/2026	107,500	81,600	31.7%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
PVD	3/03/2026	3/3/2026	40,500	33,250	21.8%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>

### Trụ sở chính

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Giảng Võ, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

### Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

### Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP HCM

Hotline: 0283.838.5917

## TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.

